TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST Ngày 17 - 3 - 2025 V/v: Xin ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hội, bà Lò Thị Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Văn Yến - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản H, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Nay là Bản H, xã Tân Yên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn D, sinh năm 1981, địa chỉ: Bản H, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Nay là Bản H, xã Tân Yên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lò Thị N bày:

Năm 2011 chị Lò Thị N và anh Lò Văn D có tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lập, huyện Mộc Châu (Nay là xã Tân Yên, thị xã Mộc Châu). Sau khi kết hôn anh chị sống chung tại bản Hoa, xã Tân Lập (Nay là xã Tân Yên, thị xã Mộc Châu), đến đầu năm 2022 thì anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, không tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung, anh chị sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy

tình cảm vợ, chồng không còn, nguyện vọng của chị N xin được ly hôn với anh Lò Văn D.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung: Cháu Lò Ngọc Hoài T, sinh ngày 21/3/2012 và cháu Lò Thị Cát P, sinh ngày 20/7/2015. Khi ly hôn nguyện vọng của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Lò Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Thu nhập hiện nay của chị là 9.000.000đ/tháng đủ điều kiện để nuôi dưỡng 02 cháu.

- Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lò Văn D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Lò Văn D, đồng thời niêm yết công khai tại UBND nơi anh D sinh sống, nhưng anh D không tham gia nên Tòa án không thể nắm bắt được nguyện vọng của anh về việc chị Lò Thị N xin ly hôn và việc người trực tiếp nuôi con, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn đã được tống đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng anh D cố tình vắng mặt, không đến tham gia phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Lò Thị N được ly hôn với anh Lò Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Ngọc Hoài T, sinh ngày 21/3/2012 và cháu Lò Thị Cát P, sinh ngày 20/7/2015 cho chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lò Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N, do chị N chưa yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Lò Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lò Văn D có địa chỉ tại xã Tân Lập, huyện Mộc Châu (Nay xã Tân Yên, thị xã Mộc Châu), tỉnh Sơn La, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là " Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu (nay là thị xã Mộc Châu), tỉnh Sơn La.

[2] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lò Văn D: Sau khi chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án và đã được Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng anh D đều không có mặt, không có ý kiến của anh D về việc khởi kiện xin ly hôn của chị N, nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lập (Nay là xã Tân Yên), có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị N và anh D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị N và anh D là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị N và anh D đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị N ly hôn anh D là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị N và anh D có 02 con chung là cháu Lò Ngọc Hoài T, sinh ngày 21/3/2012 và cháu Lò Thị Cát P, sinh ngày 20/7/2015. Chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu T và cháu P đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, chị N chưa yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Qua xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương thì được biết hiện nay cháu T và cháu P đang được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và hai cháu đều có nguyện vọng ở với chị N. Thu nhập trung bình của chị N là hơn 9.000.000đ/tháng đủ điều kiện để nuôi cháu T và cháu P. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu T và cháu P, cũng như chăm lo việc học tập, giáo dục để cháu phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ thì cần giao cháu T và cháu P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Lò Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa yêu cầu. Anh D được đi lại thăm nom con, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đề cập đến việc xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lò Thị N được ly hôn với anh Lò Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Ngọc Hoài T sinh ngày 21/3/2012 và cháu Lò Thị Cát P, sinh ngày 20/7/2015 cho chị Lò Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Lò Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N, do chị N chưa yêu cầu.

Anh Lò Văn D được quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000294 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Lò Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 17/3/2025.

Anh Lò Văn D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thị xã Mộc Châu;
- Chi cục THADS thị xã Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đào Ngọc Hà